

CÁC TRƯỜNG HỢP HẠN CHẾ TẠM GIAM THEO PHÁP LUẬT TỔ TỤNG HÌNH SỰ LIÊN BANG NGA VÀ MỘT SỐ GỢI MỞ CHO VIỆT NAM

LÊ TIẾN

Học viện An ninh nhân dân

Nhận bài ngày 15/5/2026. Sửa chữa xong 25/5/2026. Duyệt đăng 31/5/2026.

Abstract

This article analyzes and evaluates several provisions of the criminal procedure law of the Russian Federation concerning restrictions on the application of pre-trial detention, in comparison with corresponding provisions of Vietnam's Criminal Procedure Code. On that basis, the author proposes several recommendations to improve Vietnam's criminal procedure law regarding restrictions on pre-trial detention. These recommendations include specifying the grounds for applying pre-trial detention, adding circumstances in which pre-trial detention should be restricted, shortening detention periods, and expanding the authority to impose detention, among others.

Keywords: Accused persons, coercive measures, Criminal Procedure Code of the Russian Federation, pre-trial detention, preventive measures, restrictions on detention.

1. Đặt vấn đề

Biện pháp tạm giam là biện pháp ngăn chặn trong tố tụng hình sự (TTHS) nhằm cách ly bị can, bị cáo khỏi xã hội trong thời hạn nhất định để đảm bảo quá trình giải quyết vụ án được thuận lợi, nhanh chóng, chính xác, khách quan. Áp dụng biện pháp tạm giam trong quá trình giải quyết vụ án hình sự ảnh hưởng trực tiếp đến quyền bất khả xâm phạm về thân thể, các quyền cơ bản khác của con người được pháp luật ghi nhận và bảo đảm thực hiện. Do đó, việc áp dụng biện pháp tạm giam vừa phải đáp ứng được thực tiễn yêu cầu giải quyết vụ án hình sự vừa phải bảo đảm quyền của người bị tạm giam phù hợp với xu thế tiến bộ chung của nhân loại. Trong hệ thống pháp luật tố tụng các quốc gia trên thế giới, pháp luật tố tụng hình sự Liên Bang Nga có nhiều điểm tương đồng với pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam. Vì vậy, việc nghiên cứu các trường hợp hạn chế biện pháp tạm giam trong Bộ luật Liên bang Nga, trên cơ sở đó, tham khảo những giá trị tiến bộ, nhân văn về biện pháp ngăn chặn tạm giam có ý nghĩa quan trọng cả về pháp luật thực định và thực tiễn áp dụng.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Quy định của pháp luật tố tụng hình sự Liên Bang Nga về các trường hợp hạn chế biện pháp tạm giam

Biện pháp tạm giam được quy định tại Điều 108, Điều 109 Bộ luật Tố tụng hình sự Liên bang Nga năm 2001 và sửa đổi, bổ sung nhiều lần cho đến nay (lần sửa đổi, bổ sung gần nhất bởi Luật liên bang số 13-FZ ngày 28/2/2025). Biện pháp tạm giam là biện pháp ngăn chặn nghiêm khắc nhất trong pháp luật tố tụng hình sự Liên Bang Nga, do đó, các nhà lập pháp Liên Bang Nga quy định cơ quan có thẩm quyền chỉ áp dụng biện pháp tạm giam khi không thể áp dụng các biện pháp ngăn chặn khác nhẹ hơn, đồng thời, quy định chặt chẽ, cụ thể về đối tượng, căn cứ, trường hợp, thẩm quyền, trình tự thủ tục, thời hạn tạm giam, việc hủy bỏ hoặc thay thế biện pháp tạm giam nhằm phát huy hiệu quả ngăn chặn tội phạm vừa đảm bảo tốt nhất các quyền của con người của nghi can, bị cáo trong quá trình buộc tội. Pháp luật TTHS Liên bang Nga đặc biệt chú trọng đến đảm bảo quyền con người của nghi can, bị cáo

thể hiện Bộ luật tố tụng hình sự Liên Bang Nga có nhiều quy định về trường hợp hạn chế áp dụng tạm giam. Qua nghiên cứu nội dung pháp lý biện pháp tạm giam trong Bộ luật Tố tụng hình sự Liên Bang Nga, các nhà lập pháp thiết kế các trường hợp hạn chế tạm giam cụ thể như sau:

2.1.1. Hạn chế tạm giam đối với nghi can, bị cáo về tội nghiêm trọng hoặc tội ít nghiêm trọng

Một trong những điểm nổi bật của pháp luật TTHS Liên bang Nga là không áp dụng tạm giam đối với mọi loại tội phạm. Biện pháp tạm giam chủ yếu được áp dụng đối với nghi can, bị cáo về tội nghiêm trọng mà sử dụng bạo lực hoặc đe dọa sử dụng bạo lực, tội rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng trừ trường hợp quy định tại khoản 1.1, khoản 1.2 và khoản 2 Điều 108 Bộ luật Tố tụng hình sự Liên Bang Nga.

Trường hợp đối với nghi can, bị cáo bị buộc tội nghiêm trọng mà không sử dụng bạo lực hoặc đe dọa sử dụng bạo lực, cơ quan có thẩm quyền áp dụng biện pháp tạm giam khi có một trong các căn cứ sau: không có nơi cư trú thường xuyên trên lãnh thổ Liên bang Nga; không xác định được chính xác nhân thân của họ; đã vi phạm biện pháp ngăn chặn khác đã được áp dụng với họ trước đó hoặc đã trốn khỏi cơ quan điều tra hoặc tòa án (Ngô Thị Thùy Trang, 2024). Trường hợp nghi can, bị cáo bị buộc tội về tội ít nghiêm trọng chỉ được áp dụng biện pháp tạm giam trong trường hợp đặc biệt khi có căn cứ cho rằng nghi can, bị cáo đã vi phạm biện pháp ngăn chặn đã được áp dụng với họ trước đó hoặc đã trốn khỏi cơ quan điều tra hoặc tòa án.

Như vậy, đối với nghi can, bị cáo bị buộc tội về tội nghiêm trọng không sử dụng bạo lực hoặc đe dọa sử dụng bạo lực hoặc nghi can, bị cáo bị buộc tội về tội ít nghiêm trọng chỉ bị áp dụng biện pháp tạm giam khi có thêm các căn cứ khác được quy định tại Khoản 1 Điều 108 Bộ luật Tố tụng hình sự Liên Bang Nga.

2.1.2. Hạn chế áp dụng với nghi can, bị cáo là các cá nhân phạm các tội về kinh tế

Pháp luật hình sự Liên Bang Nga hiện hành không quy định pháp nhân thương mại là chủ thể của tội phạm. Trong trường hợp truy cứu trách nhiệm hình sự đối với cá nhân phạm các tội về kinh tế (quy định tại các Điều 159, 160, 165, 171-174, 174.1, 176-178, 180-183, 185-185.4, 199, 200, 203, 204, 205.1 và 205.2 của Bộ luật Hình sự Liên bang Nga), pháp luật TTHS Liên Bang Nga cũng hạn chế việc áp dụng biện pháp tạm giam đối với các nghi can, bị cáo là các cá nhân liên quan đến hoạt động kinh tế, thương mại nhằm tạo điều kiện cho các chủ thể này khắc phục hậu quả do mình gây ra cũng như đảm bảo các hoạt động kinh doanh, thương mại bình thường của họ theo quy định của pháp luật, quy định này vừa đảm bảo quyền của nghi can, bị cáo là cá nhân liên quan hoạt động kinh tế, thương mại vừa tạo điều kiện phục vụ phát triển kinh tế - xã hội trừ những trường hợp có căn cứ sau: không có nơi cư trú thường xuyên trên lãnh thổ Liên bang Nga; họ đã vi phạm biện pháp ngăn chặn đã được áp dụng trước đó; họ đã bỏ trốn khỏi cơ quan điều tra hoặc tòa án.

2.1.3. Hạn chế áp dụng biện pháp tạm giam đối với nghi can, bị cáo về tội xâm phạm trật tự an toàn công cộng và các tội phạm xâm phạm quyền lực nhà nước

Việc tạm giam là biện pháp ngăn chặn có thể được áp dụng đối với người bị tình nghi, bị can về tội phạm ít nghiêm trọng hoặc nghiêm trọng quy định tại các Điều 201, Điều 207, Điều 215, Điều 217.1, khoản 1 Điều 222, Điều 226.1, Điều 253, Điều 272, Điều 273, Điều 274, Điều 280, Điều 283, Điều 284, Điều 285, Điều 286, Điều 322, Điều 322.1 và phần hai của Điều 323, Điều 217.1, Điều 253, Điều 272, Điều 274, phần một của Điều 283.2. của Bộ luật Hình sự Liên bang Nga, nếu không thể áp dụng biện pháp ngăn chặn khác nhẹ nhàng hơn. Đây là các tội phạm thuộc nhóm tội xâm phạm trật tự an toàn công cộng thuộc loại tội phạm nghiêm trọng, ít nghiêm trọng mà cơ quan có thẩm quyền xét thấy không thể áp dụng biện pháp ngăn chặn khác nhẹ hơn thì áp dụng biện pháp tạm giam.

2.1.4. Hạn chế áp dụng tạm giam với nghi can, bị cáo thuộc nhóm người yếu thế trong xã hội

Khoản 2, Điều 108 Bộ luật Tố tụng hình sự Liên Bang Nga (được sửa đổi bởi khoản 2 được sửa đổi bởi Luật Liên bang số 13-FZ ngày 28/02/2025) quy định hạn chế tạm giam đối với nghi can, bị cáo thuộc đối tượng sau đây:

- Nghi can, bị cáo là trẻ vị thành niên, phụ nữ mang thai, phụ nữ có con nhỏ, nam giới là cha/mẹ đơn

thân của trẻ vị thành niên, cha/mẹ nuôi hoặc người giám hộ của trẻ vị thành niên, hoặc cha/mẹ đơn thân, cha/mẹ nuôi, người giám hộ hoặc người giám hộ của trẻ em khuyết tật trừ trường hợp những người này bị buộc tội về tội rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng (Ngô Thị Thùy Trang, 2024). Trong trường hợp đặc biệt, nếu có một trong các tình tiết nghi can, bị cáo thuộc những đối tượng trên bị buộc tội về tội nghiêm trọng mà không có nơi cư trú thường xuyên trên lãnh thổ Liên bang Nga hoặc chưa xác định được chính xác nhân thân của họ hoặc đã vi phạm biện pháp ngăn chặn đã được áp dụng với họ trước đó hoặc đã trốn khỏi cơ quan điều tra hoặc tòa án thì cơ quan có thẩm quyền có thể áp dụng biện pháp tạm giam đối với họ. Quy định hạn chế tạm giam đối với đối tượng trên thể hiện sự nhân văn và tôn trọng bảo đảm quyền con người của pháp luật tố tụng hình sự Liên bang Nga.

- Không áp dụng biện pháp tạm giam trước khi đối với nghi can, bị cáo nếu họ mắc bệnh nghiêm trọng nằm trong danh sách các bệnh nghiêm trọng không được phép tạm giam nghi can hoặc bị cáo, được Chính phủ Liên bang Nga phê duyệt và được xác nhận bằng giấy tờ y tế.

2.2. Quy định pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam về các trường hợp hạn chế tạm giam

Biện pháp tạm giam quy định tại Điều 119, Điều 113 Bộ luật Tố tụng hình sự Việt Nam số 101/2025/QH15 được sửa đổi bởi Luật số 02/2021/QH15, Luật số 99/2025/QH15, và Điều 138 Luật Tư pháp người chưa thành niên số 59/2024/QH15. Đây là biện pháp ngăn chặn nghiêm khắc nhất trong các biện pháp ngăn chặn trong pháp luật TTHS Việt Nam đối với bị can, bị cáo. Pháp luật đã cụ thể hóa các căn cứ, trường hợp, thẩm quyền, trình tự, thủ tục, thời hạn áp dụng, đồng thời, quy định các trường hợp hạn chế áp dụng biện pháp tạm giam, cụ thể:

2.2.1. Hạn chế áp dụng đối với bị can, bị cáo về tội nghiêm trọng, ít nghiêm trọng. Bộ luật Tố tụng hình sự Việt Nam quy định chỉ được áp dụng biện pháp tạm giam đối với bị can, bị cáo về tội nghiêm trọng, ít nghiêm trọng mà bộ luật hình sự quy định hình phạt tù từ 2 năm trở lên khi có một trong các căn cứ sau đây: đã bị áp dụng biện pháp ngăn chặn khác nhưng vi phạm; không có nơi cư trú rõ ràng hoặc không xác định được lý lịch của bị can; bỏ trốn và bị bắt theo quyết định truy nã hoặc có dấu hiệu bỏ trốn; tiếp tục phạm tội hoặc có dấu hiệu tiếp tục phạm tội; có hành vi mua chuộc, cưỡng ép, xúi giục người khác khai báo gian dối, cung cấp tài liệu sai sự thật; tiêu hủy, giả mạo chứng cứ, tài liệu, đồ vật của vụ án, tẩu tán tài sản liên quan đến vụ án; đe dọa, khống chế, trả thù người làm chứng, bị hại, người tố giác tội phạm và người thân thích của những người này.

Còn đối với bị can, bị cáo về tội ít nghiêm trọng mà Bộ luật Hình sự quy định hình phạt tù đến 2 năm thì chỉ áp dụng biện pháp tạm giam khi họ tiếp tục phạm tội hoặc bỏ trốn và bị bắt theo quyết định truy nã.

2.2.2. Hạn chế áp dụng tạm giam đối với bị can, bị cáo là những người yếu thế trong xã hội bao gồm: phụ nữ có thai hoặc đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi, là người già yếu, người bị bệnh nặng có nơi cư trú, lý lịch rõ ràng thì không áp dụng biện pháp tạm giam mà áp dụng các biện pháp ngăn chặn khác ít nghiêm khắc hơn, trừ các trường hợp bị can, bị cáo bỏ trốn và bị bắt theo quyết định truy nã hoặc tiếp tục phạm tội hoặc có hành vi mua chuộc, cưỡng ép, xúi giục người khác khai báo gian dối, cung cấp tài liệu sai sự thật; tiêu hủy, giả mạo chứng cứ, tài liệu, đồ vật của vụ án, tẩu tán tài sản liên quan đến vụ án; đe dọa, khống chế, trả thù người làm chứng, bị hại, người tố giác tội phạm hoặc người thân thích của những người này hoặc bị can, bị cáo về tội xâm phạm an ninh quốc gia và có đủ căn cứ xác định nếu không tạm giam đối với họ thì sẽ gây nguy hại đến an ninh quốc gia.

2.2.3. Hạn chế áp dụng tạm giam đối với bị can, bị cáo là người chưa thành niên. Nhằm tạo điều kiện sự phát triển bình thường cũng như đảm bảo quyền con người của người chưa thành niên, các nhà làm luật Việt Nam quy định áp dụng biện pháp tạm giam đối với người chưa thành niên là bị can, bị cáo được xác định theo độ tuổi chịu trách nhiệm hình sự của người chưa thành niên và tội phạm mà người chưa thành niên thực hiện kèm theo những căn cứ khác theo Luật định.

Theo Điều 138 Luật Tư pháp người chưa thành niên về áp dụng biện pháp tạm giam đối với người chưa thành niên khi thuộc trường hợp cụ thể sau:

Một là, tạm giam có thể áp dụng đối với người chưa thành niên là bị can, bị cáo từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi về tội về tội đặc biệt nghiêm trọng khi có căn cứ sau đây: đã bị áp dụng biện pháp ngăn chặn khác nhưng vi phạm hoặc không có nơi cư trú rõ ràng hoặc bỏ trốn và bị bắt theo quyết định truy nã hoặc tiếp tục phạm tội hoặc có căn cứ xác định người này tìm kiếm, sửa soạn công cụ, phương tiện hoặc tạo ra những điều kiện khác để tiếp tục phạm tội hoặc có hành vi tiêu hủy, giả mạo chứng cứ, tài liệu, đồ vật của vụ án; đe dọa, khống chế, trả thù người làm chứng, bị hại, người tố giác tội phạm và người thân thích của những người này.

Hai là, tạm giam có thể áp dụng đối với người chưa thành niên là bị can, bị cáo từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi về tội rất nghiêm trọng khi có căn cứ xác định người đó thuộc một trong các trường hợp sau đây: đã bị áp dụng biện pháp ngăn chặn khác nhưng vi phạm hoặc không có nơi cư trú rõ ràng hoặc Bỏ trốn và bị bắt theo quyết định truy nã hoặc tiếp tục phạm tội hoặc có hành vi tiêu hủy, giả mạo chứng cứ, tài liệu, đồ vật của vụ án; đe dọa, khống chế, trả thù người làm chứng, bị hại, người tố giác tội phạm và người thân thích của những người này.

Ba là, tạm giam có thể áp dụng đối với người chưa thành niên là bị can, bị cáo từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi về tội nghiêm trọng do cố ý, tội rất nghiêm trọng, tội đặc biệt nghiêm trọng khi có căn cứ xác định người đó thuộc một trong các trường hợp sau đây: đã bị áp dụng biện pháp ngăn chặn khác nhưng vi phạm hoặc không có nơi cư trú rõ ràng hoặc bỏ trốn và bị bắt theo quyết định truy nã hoặc có căn cứ xác định người này sẽ bỏ trốn hoặc tiếp tục phạm tội hoặc có căn cứ xác định người này tìm kiếm, sửa soạn công cụ, phương tiện hoặc tạo ra những điều kiện khác để tiếp tục phạm tội hoặc có hành vi mua chuộc, cưỡng ép người khác khai báo gian dối, cung cấp tài liệu sai sự thật; tiêu hủy, giả mạo chứng cứ, tài liệu, đồ vật của vụ án; đe dọa, khống chế, trả thù người làm chứng, bị hại, người tố giác tội phạm và người thân thích của những người này.

2.3. Đánh giá quy định của pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam, Cộng hòa Liên Bang Nga về các trường hợp hạn chế tạm giam và một số gợi mở cho Việt Nam

Qua so sánh, tác giả nhận thấy biện pháp tạm giam trong pháp luật TTHS Cộng Hòa Liên bang Nga và Việt Nam đều là những biện pháp cưỡng chế tố tụng nghiêm khắc nhất. Quy định về hạn chế tạm giam trong pháp luật TTHS Liên bang Nga và Việt Nam có nhiều điểm tương đồng là đều hạn chế áp dụng đối với bị can, bị cáo về tội nghiêm trọng, tội ít nghiêm trọng hoặc đối với nhóm người yếu thế trong xã hội như người chưa thành niên, phụ nữ có thai hoặc đang nuôi con nhỏ, người già yếu, người bị bệnh nặng. Bên cạnh những nét tương đồng, quy định về hạn chế tạm giam trong pháp luật TTHS Việt Nam và Liên bang Nga có điểm khác đáng chú ý là các quy định pháp luật TTHS Liên bang Nga về hạn chế tạm giam thể hiện nhiều điểm tiến bộ phù hợp với xu hướng về coi trọng và bảo đảm các quyền cơ bản của con người hơn, cụ thể: (1) Các nhà lập pháp Liên Bang Nga coi quyền tự do thân thể là quyền cơ bản cần được bảo vệ, do đó, việc tạm giam chỉ được áp dụng trong trường hợp thật sự cần thiết khi không thể áp dụng các biện pháp ngăn chặn khác nhẹ hơn (Phạm Thái, 2020). (2) Bảo đảm tính nhân đạo trong tố tụng hình sự khi áp dụng biện pháp tạm giam đối với các đối tượng thuộc nhóm người yếu thế, nhóm người cần quan tâm trong xã hội và diện đối tượng là bị can, bị cáo hạn chế áp dụng biện pháp tạm giam cũng mở rộng hơn với pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam. (3) Các nhà lập pháp Liên Bang Nga đã bổ sung những trường hợp hạn chế tạm giam đối với một số nhóm tội phạm cụ thể để hài hòa giữa mục tiêu đấu tranh phòng ngừa tội phạm và mục tiêu xây dựng phát triển kinh tế xã hội, thể hiện hạn chế tạm giam đối với nghi can, bị cáo về các tội phạm kinh tế, thương mại hoặc các tội phạm xâm phạm trật tự an toàn công cộng hoặc các tội phạm xâm phạm quyền lực nhà nước (Trần Thị Liên, 2020).

Nghiên cứu các quy định của pháp luật tố tụng hình sự Liên bang Nga về các trường hợp hạn chế áp dụng biện pháp tạm giam, có thể rút ra một số gợi mở nhằm hoàn thiện pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam về hạn chế áp dụng biện pháp tạm giam như sau:

Thứ nhất, mở rộng các biện pháp ngăn chặn thay thế tạm giam: Hiện nay, mặc dù Bộ luật Tố tụng hình sự Việt Nam đã quy định một số biện pháp thay thế tạm giam như bảo lãnh, đặt tiền để bảo đảm

nhưng việc áp dụng trên thực tế còn hạn chế. Với tính chất là biện pháp ngăn chặn nghiêm khắc nhất nên chẳng nên thiết kế biện pháp ngăn chặn được áp dụng khi không thể áp dụng biện pháp ngăn chặn ít nghiêm khắc hơn tương tự như quy định pháp luật tố tụng hình sự Liên bang Nga. Bên cạnh đó cần cụ thể hóa căn cứ, điều kiện áp dụng các biện pháp ngăn chặn thay thế cho tạm giam như đảo lĩnh, đặt tiến để bảo đảm hoặc cấm đi khỏi nơi cư trú để cơ quan có thẩm quyền thuận lợi áp dụng các biện pháp ngăn chặn thay thế khi thuộc các trường hợp hạn chế tạm giam (Nguyễn Hòa Bình, 2022).

Thứ hai, pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam cần mở rộng trường hợp đối tượng là bị can, bị cáo không áp dụng hoặc hạn chế áp dụng tạm giam, đặc biệt đối với: Người phạm tội ít nghiêm trọng hoặc phạm tội nghiêm trọng phạm tội lần đầu hoặc thành khẩn khai báo, đồng thời mở rộng diện hạn chế đối với bị can, bị cáo thuộc nhóm người yếu thế, cần quan tâm trong xã hội như: Bị can, bị cáo là cha/mẹ đơn thân, hoặc người giám hộ của người chưa thành niên khi bị buộc tội về tội ít nghiêm trọng hoặc tội nghiêm trọng (Nguyễn Ngọc Kien, 2019).

Thứ ba, cần bổ sung quy định về hạn chế tạm giam đối với bị can, bị cáo là người đứng đầu các doanh nghiệp hoặc là người điều hành hoạt động sản xuất, kinh doanh hoặc là người có chuyên môn đặc thù về kinh tế, thương mại. về các tội phạm xâm phạm lĩnh vực kinh tế hoặc một số tội phạm nhằm tạo điều kiện cho những bị can, bị cáo khắc phục nhanh nhất các hậu quả do mình gây ra cũng như đảm bảo các hoạt động bình thường của pháp nhân thương mại tạo nguồn lực phục vụ kinh tế - xã hội đồng thời phù hợp với chính sách khơi thông và tạo động phát triển kinh tế - xã hội.

3. Kết luận

Các quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự Liên bang Nga về hạn chế tạm giam thể hiện rõ xu hướng đề cao quyền con người, tăng cường kiểm soát tư pháp và bảo đảm tính nhân đạo trong TTHS hiện đại (Nguyễn Ngọc Kien, 2019). Việc hạn chế áp dụng tạm giam đối với người phạm tội ít nghiêm trọng, tội phạm trong lĩnh vực kinh tế, phụ nữ mang thai, người chưa thành niên, người mắc bệnh nặng và các nhóm yếu thế khác cho thấy sự tiến bộ của pháp luật TTHS Nga trong việc cân bằng giữa yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm và bảo vệ quyền con người. Do đó, việc nghiên cứu và tiếp thu có chọn lọc kinh nghiệm của Liên bang Nga có ý nghĩa quan trọng trong quá trình hoàn thiện pháp luật TTHS, góp phần hạn chế lạm dụng biện pháp tạm giam, nâng cao hiệu quả kiểm soát hoạt động tố tụng và bảo đảm tốt hơn quyền con người trong Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Tài liệu tham khảo

- Duma Quốc gia Liên bang Nga (2001). *Bộ luật Tố tụng hình sự Liên bang Nga*. Viện Khoa học Kiểm sát – Viện Kiểm sát nhân dân tối cao dịch. Hà Nội.
- Ngô Thị Thùy Trang (2024). Căn cứ tạm giam đối với người dưới 18 tuổi theo pháp luật tố tụng hình sự Cộng hòa Liên bang Đức và Liên bang Nga – kinh nghiệm cho Việt Nam. *Tạp chí Khoa học pháp lý*, 1.
- Ngô Thị Thùy Trang (2024). Biện pháp tạm giam theo luật tố tụng hình sự Liên bang Nga và kinh nghiệm cho Việt Nam. *Tạp chí Kiểm sát*, 21.
- Nguyễn Hòa Bình (2022). Hoàn thiện quy định về biện pháp bắt, tạm giam trong Bộ luật tố tụng về cải cách tư pháp. *Tạp chí Tòa án*. <https://tapchitoaan.vn/hoan-thien-quy-dinh-ve-bien-phap-bat-tam-giam-trong-bo-luat-to-tung-hinh-su-dap-ung-yeu-cau-cai-cach-tu-phap6702.html>.
- Nguyễn Ngọc Liên (2019). *Bảo đảm quyền con người khi áp dụng biện pháp tạm giam theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự Việt Nam năm 2015*. Đề tài cấp Bộ, mã số B2019-PDH-15.
- Nguyễn Quang Anh (2025). Lạm dụng biện pháp tạm giam trong tố tụng hình sự: thực trạng và giải pháp. *Tạp chí điện tử Luật sư Việt Nam*. <https://lsvn.vn/lam-dung-bien-phap-tam-giam-trong-to-tung-hinh-su-thuc-trang-va-giai-phap-a162157.html>.
- Phạm Thị Liên (2020). Hoàn thiện quy định của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 về biện pháp ngăn chặn. *Tạp chí Khoa học Kiểm sát*, 4.
- Phạm Thị Mai (2020). Bàn về tính hệ thống của chế định biện pháp cưỡng chế trong tố tụng hình sự. Trong *Kỷ yếu Hội thảo: Biện pháp cưỡng chế trong tố tụng hình sự*. Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh.